

Số: /2026/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2026



(DU THẢO LẦN 1)

QUYẾT ĐỊNH

Quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Lào Cai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số /TTr-SGDĐT ngày tháng năm 2026,

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày, trong đó quy định khoảng cách, địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá; quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Học sinh bán trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông; học viên bán trú học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông; học sinh dân tộc nội trú học tại trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quy định khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP

1. Trường hợp khoảng cách nhà ở xa trường, xa nơi học tập thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

2. Trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá quy định như sau:

a) Đối với học sinh tiểu học mà bản thân học sinh và bố, mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn đang học tại các trường phổ thông thuộc xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thì khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 2 km trở lên; học tại các trường thuộc xã khu vực II, khu vực I thì khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 3 km trở lên.

b) Đối với học sinh trung học cơ sở, học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở mà bản thân học sinh và bố, mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn đang học tại các trường phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thì khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 4 km trở lên; học tại các trường phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc xã khu vực II, khu vực I thì khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 5 km trở lên.

c) Đối với học sinh trung học phổ thông, học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số và học sinh trung học phổ thông, học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông người dân tộc Kinh là nhân khẩu trong gia đình thuộc hộ nghèo mà bản thân học sinh và bố, mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn: Đang học tại các trường trung học phổ thông hoặc trường phổ thông có

hiều cấp học, cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thì khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 6 km trở lên; học tại các trường phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc xã khu vực II thì khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 7 km trở lên; học tại các trường phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên thuộc xã khu vực I thì khoảng cách quãng đường đi từ nhà đến trường từ 8 km trở lên.

d) Đối với học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, học sinh trung học phổ thông đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Áp dụng khoảng cách theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều này.

3. Địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá do Ủy ban nhân dân cấp xã quy định.

Điều 3: Quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Lào Cai

1. Quy định danh mục đồ dùng cá nhân được trang cấp một lần cho học sinh dân tộc nội trú

Số TT	Tên đồ dùng	Đơn vị tính
1	Chăn cá nhân mùa Đông	Cái
2	Chăn cá nhân mùa Hè	Cái
3	Đệm cá nhân	Cái
4	Màn cá nhân	Cái
5	Chiếu cá nhân	Cái
6	Ga đệm	Cái
7	Gối (Vỏ + Lõi)	Cái
8	Ô cá nhân/ Áo mưa	Cái
9	Ghế nhựa	Cái

2. Quy định danh mục học phẩm và quần áo đồng phục mỗi năm học cho học sinh dân tộc nội trú

Số TT	Tên học phẩm	Đơn vị tính
1	Vở kẻ ngang	Quyển
2	Cặp hoặc balo Học sinh	Cái
3	Bút bi	Cái

Số TT	Tên học phẩm	Đơn vị tính
4	Bút chì	Cái
5	Tẩy	Cái
6	Bộ com pa, thước đo độ	Bộ
7	Hồ dán	Cái
8	Thước kẻ	Lọ
9	Hộp màu	Cái
10	Giấy màu thủ công	Hộp
11	Giấy vẽ	Tờ
12	Quần áo đồng phục	Tờ
a	<i>Quần dài</i>	
b	<i>Áo mùa Đông</i>	<i>Cái</i>
c	<i>Áo mùa Hè</i>	<i>Cái</i>

3. Căn cứ định mức kinh phí quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định 66/2025/NĐ-CP, các trường phổ thông dân tộc nội trú quyết định số lượng, chủng loại đồ dùng cá nhân, học phẩm quy định tại các khoản 1, 2 Điều này để trang cấp cho học sinh phù hợp với tình hình thực tế.

Việc mua sắm đồ dùng cá nhân, học phẩm trang cấp cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được thực hiện căn cứ vào danh mục, định mức quy định tại khoản 1 Điều này và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4: Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày / /2026.

Việc áp dụng quy định này được thực hiện từ năm học 2026-2027.

2. Bãi bỏ toàn bộ các Quyết định sau:

Quyết định số 43/2025/QĐ- UBND ngày 29/4/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai quy định cụ thể về khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Quyết định số 29/2025/QĐ- UBND ngày 27/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá

nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 26/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc tiếp tục thực hiện các Quyết định quy định địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Tài chính bảo đảm kinh phí thực hiện chính sách quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP và Quyết định này theo quy định của pháp luật; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh, học viên và cơ sở giáo dục.

2. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn công tác xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú; chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổ chức kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách đối với học sinh, học viên và cơ sở giáo dục.

3. Giao Ủy ban nhân dân xã khu vực III, xã khu vực II, khu vực I (có thôn đặc biệt khó khăn) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tháng 6 hằng năm ban hành danh mục địa bàn các thôn, bản có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý để làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục KTVB& LXPVPHC, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các ban, sở ngành, địa phương;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Đăng Công báo;
- Công thông tin điện tử, VP UBND tỉnh;
- Lưu: Văn thư, VX.

TM. UBND TỈNH
CHỦ TỊCH

